TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 133/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông *Trần Đông Thiên*

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

2. Bà Trần Thị Phối

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ aùn hôn nhân và gia đình thụ lý số 992/2024/TLST- HNGĐ ngày 01.11.2024 về việc tranh chấp "*Ly hôn* ", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXX-ST ngày 03.02.2025, giữa ếc đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuý M, sinh năm 1963

Địa chỉ : thôn T, xã P, TP. Q, tỉnh B

Bị đơn : Ông Tống Ngọc S, sinh năm 1964

Địa chỉ : thôn T, xã P, TP. Q, tỉnh B

Các bên đương sự có mặt tại phiên toà

NHAÄN THAÁY:

Theo đơn khởi kiện ngày 10.10.2024 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Bà và ông S tự nguyện tìm hiểu, thời gian khoảng 1 năm, sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn vào năm 1979. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn do ông S thường xuyên đánh đập vợ, con; thời gian kéo dài nhưng vì con bà cố chịu đựng nhưng nay bà không chịu nổi nữa;

bà và ông S không sống chung từ tháng 7 năm 2024 (AL) cho đến nay, nay bà xin được ly hôn với ông S.

+ *Quan hệ con chung*: Ông bà có 5 con chung: cháu Tống Thị Thanh T sinh năm 1981, cháu Tống Thị Hồng T sinh năm 1983, cháu Tống Trung T sinh năm 1986, cháu Tống Thị Kim T sinh năm 1989, cháu Tống Thị Mỹ T sinh năm 1993, sức khoẻ các cháu bình thường; các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Toà giải quyết

+ *Quan hệ tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo bị đơn trình bày:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Bà và ông S tự nguyện tìm hiểu, sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn vào năm 1979. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Nguyên nhân mâu thuẫn bà M quen người đàn ông khác; hiện nay ông sống một mình; nay bà M xin ly hôn ông không đồng ý

+ *Quan hệ con chung*: Ông bà có 05 con chung: cháu Tống Thị Thanh T sinh năm 1981, cháu Tống Thị Hồng T sinh năm 1983, cháu Tống Trung T sinh năm 1986, cháu Tống Thị Kim T sinh năm 1989, cháu Tống Thị Mỹ T sinh năm 1993, sức khoẻ các cháu bình thường; các cháu đã trưởng thành không yêu cầu toà giải quyết

+ *Quan hệ tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham dự phiên tòa phát biểu:

Ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến về nội dung vụ án: Cho bà M được ly hôn ông S; con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết. Án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Bà M và ông S đều thống nhất cả hai tự nguyện tìm hiểu, sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn vào năm 1979 và đến nay cũng không có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân thực tế. Nay bà M có yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000; khoản 1 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 03.01.2001; Điều 28 BLTTDS-2015 nên vụ án có quan hệ pháp luật ly hôn.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân :

Bà M và ông S có tổ chức lễ cưới khi về chung sống với nhau, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình. Trong quá trình chung sống hai bên xãy ra mâu thuẫn, theo bà M do ông S thường xuyên đánh đập vợ, con từ khi lấy nhau đến nay; nay bà không chịu nổi nữa nên xin ly hôn; còn theo ông S nguyên nhân mâu thuẫn do bà M quen người đàn ông khác; hiện nay ông sống một mình;

Toà xét:

Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Toà, ông S thừa nhận thỉnh thoảng có đánh bà M liên quan những vấn đề sinh hoạt trong gia đình; bên cạnh đó ông không có chứng cứ chứng minh bà M ngoại tình. Là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây ông S không quan tâm cuộc sống vợ chồng, thường xuyên đánh đập vợ con, ông S nghi ngờ vợ ngoại tình; tại phiên toà, mặc dù HĐXX kiên trì hoà giải nhưng ông S không nghe. Xét thấy nghĩa vụ giữa vợ chồng ông bà đã vi phạm nghiêm trọng làm cho hôn nhân không đạt được, bà M xin ly hôn là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống bà M và ông S thống nhất có 05 con chung: cháu Tống Thị Thanh T sinh năm 1981, cháu Tống Thị Hồng T sinh năm 1983, cháu Tống Trung T sinh năm 1986, cháu Tống Thị Kim T sinh năm 1989, cháu Tống Thị Mỹ T sinh năm 1993, sức khoẻ các cháu bình thường. Hiện nay các cháu đã trưởng thành không yêu cầu toà giải quyết; nên HĐXX không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:

bà M và ông S thống nhất không yêu cầu Toà giải quyết, đây là ý chí tự nguyện của hai bên đương sự, sự tự nguyện này không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp thuận.

[5] Về án phí: Bà M sinh năm 1963, trên 60 tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Toà án và điều 2 luật số 39/2009/QH12 ngày 23.11.2009 Luật người cao tuổi được xét miễn nộp án phí.

Ý kiến đại diện VKSNDTPQN về nội dung vụ án phù hợp hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình - 2000.

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000;

Căn cứ khoản 1 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 03.01.2001;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Điều 2 luật số 39/2009/QH12 ngày 23.11.2009 Luật người cao tuổi

Tuyên xử :

1- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị Thuý M ly hôn ông Tống Ngọc S.

2- *Về quan hệ con chung:*

Bà Nguyễn Thị Thuý M và ông Tống Ngọc S thống nhất có 05 con chung: cháu Tống Thị Thanh T sinh năm 1981, cháu Tống Thị Hồng T sinh năm 1983, cháu Tống Trung T sinh năm 1986, cháu Tống Thị Kim T sinh năm 1989, cháu Tống Thị Mỹ T sinh năm 1993, sức khoẻ các cháu bình thường; không yêu cầu Toà án không giải quyết

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu, Toà án không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST* : Bà Nguyễn Thị Thuý M được xét miễn nộp án phí.

5- *Về quyền kháng cáo :*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- *Các đương sự.*
- *VKSND Tp. Quy Nhơn*
-*Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà

Trần Đông Thiên